

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 252/2021/DS-ST

Ngày: 14 – 7 – 2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng
giao khoán.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Tuyển.

2. Ông Lý Viết Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhị - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nguyên - Kiểm sát viên.

Vào ngày 14 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 435/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng giao khoán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 280/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2021/QĐST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Đinh Thị H, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Công ty Cổ phần cà phê T.

Địa chỉ: Km 17, Quốc lộ 26, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Hoàng P, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Thu H, sinh năm 1968 (Theo văn bản ủy quyền ngày 28/8/2020).

Địa chỉ: 85 Đặng Trần C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Đinh Thị H trình bày:***

Vào năm 2011, bà Đinh Thị H có ký hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê với Công ty cổ phần cà phê T số 07/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011. Theo hợp đồng thì bà H đã nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê Vối trồng năm 1972 của Công ty có diện tích 10.638m², diện tích bờ lô 1.545m². Địa điểm đất giao khoán thuộc đội 12, thửa đất số 10, tờ bản đồ số 08, địa chỉ thửa đất: thuộc xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nguyên giá vườn cây khi nhận khoán có giá là: 31.606.052đ; Giá trị vườn cây còn lại là 20.520.023đ. Phần giá trị vườn cây trên đất Công ty góp 51%, chủ hộ góp 49%. Thời hạn giao khoán là 04 năm, tính từ ngày ký hợp đồng. Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ cà phê 2017-2018, bà H đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây theo đúng quy định của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo hợp đồng giao khoán vườn cây đã ký với Công ty. Tuy nhiên, đến năm 2018 thì bà H phát hiện Công ty có sự gian lận, cụ thể: Bà H phát hiện Công ty đã gian lận chi phí nhân công cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ năm 2011-2017) là 86.954.753,2 đồng (Bình quân một năm Công ty gian lận là 12.422.107,6 đồng/năm); Công ty đã gian lận sản phẩm cà phê quả tươi làm thành cà phê quy nhân cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ năm 2011-2017) là 3.038kg cà phê quả tươi, giá tiền: 8.000 đồng/kg, thành tiền là 24.304.000 đồng (Bình quân một năm là 434kg, giá tiền 8.000 đồng/kg, thành tiền là 3.472.000 đồng/năm); Công ty đã gian lận tiền thủy lợi phí tiền thuê giếng tưới cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2018) mà Công ty không trả cho bà H phần 51% lẽ ra Công ty phải chịu với số tiền là 7.344.000 đồng (Bình quân một năm là 918.000 đồng/năm).

Theo đơn khởi kiện của bà H thì bà H yêu cầu Công ty cổ phần cà phê T phải trả cho bà H tổng số tiền là 118.602.753,2đ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 12/7/2021, bà Đinh Thị H xin rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện đối với các yêu cầu là: Buộc Công ty trả lại chi phí đã gian lận trong tính toán chi phí nhân công, số cà phê quả tươi đã gian lận và tiền thuê giếng tưới nước từ năm 2014 đến năm 2018 với tổng số tiền là 115.848.753,2đ (*Một trăm mười lăm triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng*). Đối với số tiền thuê giếng tưới nước còn lại thì bà H đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho bà H cụ thể số tiền sau: 918.000đ x 1ha x 03 năm (Từ năm 2011 – 2013) = 2.754.000đ (*Hai triệu bảy trăm năm mươi tư nghìn đồng*). Ngoài ra bà H không có yêu cầu gì thêm.

**** Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần cà phê T, bà Võ Thị Thu H trình bày:***

Công ty Cổ phần cà phê T (Trước đây là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê T) thừa nhận là giữa Công ty với nguyên đơn có ký hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê với nhau. Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ cà phê 2017-2018, nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây theo đúng quy định của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo hợp đồng giao khoán vườn cây đã ký với Công ty. Tuy nhiên, đến niên vụ thu hoạch cà phê 2018-2019 và 2019-2020 nguyên đơn đã không thực hiện nghĩa vụ giao nộp sản phẩm cà phê quả tươi cho Công ty theo đúng cam kết trong hợp đồng, là vi phạm hợp đồng giao khoán đã ký kết, Công ty chưa tiến hành khởi kiện nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện thì đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần cà phê T không có ý kiến gì. Còn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại tiền thủy lợi phí tiền thuê giếng tưới nước là 2.754.000đ thì Công ty không chấp nhận, vì: Công đoạn tưới nước là một công đoạn chủ yếu của việc sản xuất kinh doanh cây cà phê, do đó, về công lao động đã được tính vào chi phí sản xuất trên 01ha cà phê. Tại trang 9, 10 của Phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đã ghi rõ các khoản mục trong cấu thành giá thành sản xuất “Tiền khấu hao hồ đập kênh mương là 500.000đồng/ha/năm, trong đó phần 51% là 255.000 đồng/ha/năm” vào giá thành (Khấu trừ ăn chia sản phẩm). Đồng thời, tại mục 1 Điều 1 của hợp đồng được ký kết giữa các nguyên đơn với Công ty thì “Bên A khoán gọn vườn cây cà phê cho bên B trực tiếp đầu tư, chăm sóc, bảo vệ thu hoạch và giao nộp sản phẩm cà phê...”. Như vậy, mặc dù trong hợp đồng giao khoán hai bên chỉ đề cập đối với hệ thống hồ đập, kênh mương không đề cập đến việc tưới giếng, nhưng thực chất Công ty đã trả 255.000 đồng/ha/năm là hoàn toàn công bằng giữa người tưới mương và tưới giếng. Mặt khác, theo thông báo số 61/UB-VPUBND ngày 08/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk có nêu: “...việc đào giếng tưới và sử dụng giếng tưới cho vườn cây nhận khoán là của người dân, nhà nước không chi trả;”. Ngoài ra, Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê số 07/2011/HĐ-GK của bà Đinh Thị H đã được thanh lý vào năm 2015. Từ thời điểm thanh lý hợp đồng bà H không có khiếu nại gì nên đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 427 Bộ luật dân sự 2005. Do đó, Công ty không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại tiền thủy lợi phí tiền thuê giếng tưới nước và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị H để đình chỉ xét xử vụ án.

Phần tranh luận tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần cà phê T, bà Võ Thị Thu H không có ý kiến tranh luận gì, chỉ đề nghị Hội đồng xem xét áp dụng thời hiệu khởi kiện để đình chỉ xét xử vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 192; điểm c, e, g khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 424, Điều 427 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Đề nghị HĐXX đình chỉ giải quyết đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị H về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại tiền thủy lợi phí thuê giếng tưới nước trong 03 năm (từ năm 2011 – 2013) là 2.754.000đ do hết thời hiệu khởi kiện. Bà Đinh Thị H không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu này

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị H về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số tiền là 115.848.753,2đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn thì Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng giao khoán” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty Cổ phần cà phê T (Trước đây là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê T) có địa chỉ tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự có mặt của đương sự: Bà Đinh Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để đến Tòa án tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, bà H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Đinh Thị H.

[2] Về nội dung:

Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn cung cấp và được hai bên thừa nhận, thì thấy: Giữa nguyên đơn với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê T (Nay là Công ty Cổ phần cà phê T) có ký kết hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê với nhau. Qua xem xét Hợp đồng trên thì thấy: Đây là hợp đồng song vụ có thời hạn, khi thực hiện việc giao kết hợp đồng các bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật, về nội dung cũng như hình thức của hợp đồng hai bên đã ký kết không vi phạm pháp luật nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng giao khoán thì nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây theo đúng quy định của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo hợp đồng giao khoán đã ký kết với Công ty kể từ ngày ký hợp đồng cho đến hết niên vụ cà phê 2017-2018 và các bên không có tranh chấp gì. Do đó, xác định đây là chứng cứ không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị H về việc Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại tiền thủy lợi phí thuê giếng tưới nước trong 04 năm (từ năm 2011 - 2013) là 2.754.000đ, Hội đồng xét xử thấy: Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn đều thừa nhận trước khi ký hợp đồng khoán gọn vào ngày 27/8/2011 thì hai bên có ký kết và cùng thực hiện theo hợp đồng kinh tế giao khoán đầu tư vườn cà phê từ năm 1972. Tuy nhiên, hợp đồng này hai bên đã hoàn thành và chấm dứt trước vào năm 2015. Kể từ thời điểm chấm dứt hợp đồng bà H không có bất kỳ ý kiến hay khiếu nại gì về tiền thủy lợi thuê giếng tưới nước (Từ năm 2011 – 2015) và cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh; Người đại diện theo ủy quyền của Công ty không thừa nhận thu sai tiền thủy lợi phí khấu hao kênh mương của bà H giai đoạn từ năm 2011 - 2014 và đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu này của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn đã hết thời hiệu khởi kiện được quy định tại Điều 424, 427 Bộ luật dân sự 2005; điểm a khoản 1 Điều 192; điểm e, g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn bà Đinh Thị H. Bà Đinh Thị H không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu này.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đinh Thị H rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại chi phí nhân công cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 86.954.753,2đ, cà phê tươi quy nhân cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) số tiền 24.304.000đ; một phần tiền thủy lợi phí thuê giếng tưới nước từ năm 2014 - 2018 là 4.590.000đ. Tổng cộng là 115.848.753,2đ. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà H là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217,

Điều 218, Điều 219, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà H. Bà Đình Thị H được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật..

Nguyên đơn được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn bà Đình Thị H về việc buộc Công ty cổ phần cà phê T phải trả cho bà H số tiền thủy lợi phí thuê giếng tưới nước trong 03 năm (từ năm 2011 - 2013) là 2.754.000đ hết thời hiệu khởi kiện, bà H không có quyền khởi kiện đối với yêu cầu này nên bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 388, Điều 390, Điều 392, Điều 412, Điều 414, Điều 424, Điều 427, Điều 501, Điều 502, Điều 503 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 7, 8, 9, 10, 12 của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ;

- Căn cứ Luật đất đai năm 2003.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đình Thị H về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số tiền thủy lợi phí thuê giếng tưới nước trong 03 năm (từ năm 2011 – 2013) là 2.754.000đ (*Hai triệu bảy trăm năm mươi tư nghìn đồng*).

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đình Thị H về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số tiền 115.848.753,2đ (*Một trăm mười lăm triệu tám trăm lẻ bốn nghìn bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng*). Bà Đình Thị H được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Trả lại cho bà Đinh Thị H 2.965.000 đồng (*Hai triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0014271 ngày 21/7/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện K.

Về quyền kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Thu Hà